PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ CÔNG AN - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ CÔNG AN - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81/2013/TTLT-BQP-BCA-BGTVT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2013*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định việc phối hợp cung cấp số liệu đăng ký phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội

Căn cứ Nghị định số 168/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội; Nghị định số 44/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/1999/NĐ-CP (sau đây viết chung là Nghị định số 168/1999/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp cung cấp số liệu đăng ký phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trách nhiệm phối hợp cung cấp số liệu đăng ký phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội; việc tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng số liệu được cung cấp.

2. Cung cấp số liệu đăng ký đối với các phương tiện kỹ thuật sau:

a) Ôtô, máy kéo;

b) Xe máy chuyên dùng;

c) Phương tiện thủy nội địa;

d) Tàu biển;

đ) Tàu bay và phương tiện chuyên dùng hàng không;

e) Tàu cá.

Phương tiện cụ thể quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thông tư này không điều chỉnh đối với các phương tiện trong biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân, phương tiện thuộc sở hữu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài và của các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các đơn vị thuộc Bộ Công an; Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp tỉnh) liên quan đến công tác đăng ký xe ôtô, máy kéo.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải; Sở Giao thông vận tải liên quan đến công tác đăng ký xe máy chuyên dùng đường bộ, phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu bay.

3. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn liên quan đến công tác đăng ký tàu cá.

4. Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam; Bộ Tư lệnh quân khu; Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh); Ban Chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết gọn là Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện);

5. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc cung cấp số liệu đăng ký

1. Tuân thủ quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thời hạn.

3. Số liệu đăng ký phương tiện được cung cấp phải được quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Việc trao đổi, cung cấp thông tin được thực hiện giữa các bên cùng cấp; trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng thì được phép trao đổi vượt cấp, nhưng sau đó phải báo cáo với cấp trên trực tiếp.

Chương II
CUNG CẤP, TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT

Điều 4. Trách nhiệm cung cấp số liệu

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an và Công an cấp tỉnh

a) Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt tổng hợp và cung cấp cho Cục Quân lực Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam (sau đây viết gọn là Cục Quân lực) số liệu đăng ký xe ôtô, máy kéo thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội trong phạm vi toàn quốc;

b) Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Phòng Cảnh sát giao thông (sau đây viết gọn là Phòng cảnh sát giao thông) Công an cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh số liệu đăng ký xe ôtô, máy kéo thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội do mình đăng ký.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải và Sở Giao thông vận tải cấp tỉnh

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam cung cấp cho Cục Quân lực số liệu đăng ký xe máy chuyên dùng đường bộ thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội trong phạm vi toàn quốc;

b) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cung cấp cho Cục Quân lực số liệu đăng ký phương tiện thủy nội địa thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội trong phạm vi toàn quốc;

c) Cục Hàng hải Việt Nam cung cấp cho Cục Quân lực số liệu đăng ký tàu biển thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội trong phạm vi toàn quốc;

d) Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng cung cấp số liệu đăng ký tàu biển thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội do

mình đăng ký cho Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh có chủ phương tiện đến Chi cục, Cảng vụ đăng ký (căn cứ theo địa chỉ của chủ phương tiện);

đ) Cục Hàng không Việt Nam cung cấp cho Cục Quân lực số liệu đăng ký tàu bay, phương tiện chuyên dùng hàng không trong phạm toàn quốc;

e) Sở Giao thông vận tải cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh số liệu đăng ký phương tiện thủy nội địa, xe máy chuyên dùng đường bộ thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội do mình đăng ký.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh

a) Tổng cục Thủy sản cung cấp cho Cục Quân lực số liệu đăng ký tàu cá thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội do mình đăng ký và trong phạm vi toàn quốc;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh số liệu đăng ký tàu cá thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội do mình đăng ký.

Điều 5. Nội dung cung cấp số liệu

1. Nội dung cung cấp số liệu về đăng ký xe ôtô, máy kéo, xe máy chuyên dùng đường bộ, phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu bay, phương tiện chuyên dùng hàng không, tàu cá, gồm: Số liệu đã đăng ký tính đến thời điểm cuối năm trước, xóa đăng ký trong năm, đăng ký mới trong năm và số liệu đã đăng ký hiện đang theo dõi, quản lý theo chủng loại phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội.

2. Mẫu biểu cung cấp số liệu

a) Số liệu về đăng ký xe ôtô, máy kéo theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Số liệu đăng ký xe máy chuyên dùng đường bộ theo Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Số liệu về đăng ký phương tiện thủy nội địa theo Mẫu số 05 và Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Số liệu về đăng ký tàu biển theo Mẫu số 07 và Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Số liệu về đăng ký tàu bay và phương tiện chuyên dùng hàng không theo Mẫu số 09 và Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Số liệu về đăng ký tàu cá theo Mẫu số 11 và Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Hình thức cung cấp số liệu

1. Việc cung cấp số liệu đăng ký xe ôtô, máy kéo, xe máy chuyên dùng đường bộ, phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu bay, phương tiện chuyên dùng hàng

không, tàu cá được thực hiện định kỳ một năm một lần, bằng văn bản (kèm theo danh sách phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội bằng file điện tử).

2. Khi cần thiết và được sự đồng ý của Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, Cục Quân lực và Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh gửi công văn đến các cơ quan liên quan đề nghị cung cấp số liệu. Nội dung công văn cần nêu rõ lý do, nội dung, thời hạn cung cấp, có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng cơ quan.

Điều 7. Thời gian cung cấp số liệu

1. Đối với các cơ quan trực tiếp đăng ký, quản lý xe ôtô, máy kéo, xe máy chuyên dùng đường bộ, phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu bay, phương tiện chuyên dùng hàng không, tàu cá, tổng hợp số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 và gửi cho các cơ quan, đơn vị quân đội trước ngày 15 tháng 01 của năm sau. Đối với cơ quan phải tổng hợp số liệu đăng ký của cấp dưới gửi lên, thì thời gian gửi số liệu cho Cục Quân lực trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

2. Trường hợp cung cấp số liệu đăng ký theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này thì bên được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp cho bên yêu cầu theo đúng thời hạn ghi trong văn bản yêu cầu hoặc chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trường hợp không thể đáp ứng được yêu cầu về thời gian cung cấp thông tin thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu, bên được yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do và thời hạn lùi thời gian giải quyết.

Điều 8. Tiếp nhận, quản lý và khai thác số liệu đăng ký phương tiện kỹ thuật được cung cấp

1. Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện bảo mật các số liệu đã được cung cấp phục vụ công tác đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội; các số liệu đăng ký được cung cấp phải được quản lý, khai thác, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

2. Cục Quân lực chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và khai thác số liệu đăng ký ở Trung ương.

3. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và khai thác số liệu đăng ký ở cấp tỉnh; trích sao gửi Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị, địa phương thuộc quyền tổ chức thực hiện, bảo mật nghiêm túc, quản lý, khai thác, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả các số liệu đã được cung cấp để phục vụ công tác đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội theo địa bàn từng địa phương.

4. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và khai thác số liệu đăng ký do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chuyển xuống.

5. Việc trích, sử dụng số liệu đăng ký xe ôtô, máy kéo, xe máy chuyên dùng đường bộ, phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu bay, phương tiện chuyên dùng hàng không, tàu cá phải ghi rõ nguồn gốc. Nghiêm cấm sử dụng số liệu nêu trên làm phương hại đến lợi ích quốc gia và lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 9. Điều kiện bảo đảm và kinh phí

1. Các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được bố trí cán bộ bán chuyên trách, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại để bảo đảm việc cung cấp, tiếp nhận, quản lý và khai thác số liệu theo quy định tại Thông tư này.

2. Các bên liên quan ở từng cấp có trách nhiệm tổ chức khảo sát cơ sở dữ liệu riêng của ngành mình để chuẩn hoá dữ liệu thông tin khi xây dựng phần mềm nối mạng công nghệ thông tin phục vụ việc trao đổi, cung cấp thông tin theo yêu cầu và khả năng đáp ứng của mỗi bên. Khi có đủ điều kiện thì các bên tiến hành trao đổi, thống nhất việc nối mạng, cấp mật khẩu phân quyền cập nhật để bảo đảm việc cung cấp, tiếp nhận, khai thác thông tin theo quy định tại Thông tư này.

3. Kinh phí bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này được bố trí trong dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Bộ, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2013.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng

a) Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, các đơn vị, địa phương thực hiện Thông tư này;

b) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan: Công an, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh triển khai thực hiện Thông tư này; đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức thực hiện Thông tư này;

c) Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương trong lực lượng Công an nhân dân thực hiện Thông tư này;

b) Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải và Sở Giao thông vận tải cấp tỉnh

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, các đơn vị thuộc quyền thực hiện Thông tư này;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Giao thông vận tải trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh:

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, các đơn vị thuộc quyền thực hiện Thông tư này;

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc nảy sinh, báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam), Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội), Bộ Giao thông vận tải (qua Vụ Vận tải), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Tổng cục Thủy sản) để có hướng dẫn kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Phạm Quý Ngọ

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Đỗ Bá Tỵ

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Văn Thắng

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỨ TRƯỞNG

Phạm Quý Tiêu

Phụ lục I

BẢNG DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT THUỘC DIỆN HUY ĐỘNG BỔ SUNG CHO LỰC LƯỢNG THƯỜNG TRỰC CỦA QUÂN ĐỘI DÙNG CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BỘ, NGÀNH CUNG CẤP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 81/2013/TTLT-BQP-BCA-BGTVT-BNNPTNT ngày 29 tháng 6 năm 2013)

1. Xe ôtô, máy kéo

- Xe ôtô chở người:

+ Xe đến 9 chỗ ngồi;

+ Xe từ 10 đến 30 chỗ ngồi;

+ Xe trên 30 chỗ ngồi.

- Xe ôtô tải:

+ Xe dưới 3,5 tấn;

+ Xe từ 3,5 trở lên.

- Xe chở nhiên liệu:

+ Xe chở nhiên liệu dưới 3,5 tấn;

+ Xe chở nhiên liệu từ 3,5 trở lên.

- Xe nạp nhiên liệu:

+ Xe nạp nhiên liệu dưới 3,5 tấn;

+ Xe nạp nhiên liệu từ 3,5 trở lên.

- Xe cứu hỏa.

- Xe cứu thương.

- Xe Plat phoóc, sơ mi rơ móc.

- Xe xích kéo.

- Máy kéo bánh lốp, bánh xích.

2. Xe máy chuyên dùng đường bộ

- Xe cẩu các loại;

- Xe nâng hàng;

- Xe sửa chữa;

- Xe cứu hộ giao thông.

3. Phương tiện thủy nội địa

- Ca nô.

- Tàu kéo, đẩy công suất 90CV trở lên.

- Thuyền chở hàng trọng tải 50 tấn trở lên.
- Xà lan trọng tải 50 tấn trở lên.
- Xà lan tự hành trọng tải 50 tấn trở lên.
- Tàu chở nguyên liệu lỏng trọng tải 50 tấn trở lên.
- Tàu chở nguyên liệu khí trọng tải 50 tấn trở lên.
- Tàu khách từ 50 chỗ ngồi trở lên.
- Tàu cứu hộ.
- Tàu cuốc.
- Tàu nạo vét, hút bùn.
- Phà, phà tự hành.
- Cầu phao.
- Cần cẩu nổi các loại.

4. Tàu cá

- Tàu cá có công suất máy chính từ 200 CV trở lên.

5. Tàu biển

- Tàu tuần tra biển.
- Tàu kéo công suất 90 CV trở lên.
- Tàu chở hàng trọng tải từ 50 tấn trở lên.
- Tàu nhiên liệu từ 50 tấn trở lên.
- Tàu đông lạnh chở thực phẩm từ 50 tấn trở lên.
- Tàu chở khách từ 50 chỗ trở lên.
- Tàu đo đạc nghiên cứu biển.
- Tàu biển trọng tải từ 1.000 tấn trở lên.
- Tàu sửa chữa trên biển.

6. Tàu bay và phương tiện chuyên dùng hàng không

- Tàu bay trực thăng các loại.
- Tàu bay vận tải hành khách:

+ Tàu bay loại…….. chỗ ngồi;

+ Tàu bay loại…….. chỗ ngồi;

- Tàu bay vận tải hàng hóa.
- Tàu bay chụp ảnh.
- Tàu bay chuyên dùng khác.
- Các loại xe máy: Xe điện, xe nâng, xe nén khí, xe tra nhiên liệu.
- Các xưởng, trạm kỹ thuật hàng không dân dụng.
- Các trang thiết bị thông tin, dẫn đường và giám sát, thiết bị báo hiệu.

Phụ lục II

MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT THUỘC DIỆN HUY ĐỘNG BỔ SUNG CHO LỰC LƯỢNG THƯỜNG TRỰC CỦA QUÂN ĐỘI DO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG CUNG CẤP CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUÂN ĐỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 81/2013/TTLT-BQP-BCA-BGTVT-BNNPTNT ngày 29 tháng 6 năm 2013)

TT	Ký hiệu	Tên mẫu tổng hợp số liệu
01	Mẫu số 01	Tổng hợp số liệu đăng ký xe ôtô, máy kéo do Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt Bộ Công an cung cấp cho Cục Quân lực Bộ Tổng tham mưu QĐNDVN
02	Mẫu số 02	Tổng hợp số liệu đăng ký xe ôtô, máy kéo do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ (đường bộ - đường sắt) cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh
03	Mẫu số 03	Tổng hợp số liệu đăng ký xe máy chuyên dùng đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cung cấp cho Cục Quân lực Bộ Tổng tham mưu QĐNDVN
04	Mẫu số 04	Tổng hợp số liệu đăng ký xe máy chuyên dùng đường bộ do Sở Giao thông vận tải cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh
05	Mẫu số 05	Tổng hợp số liệu đăng ký phương tiện thủy nội địa do Cục Đường thủy nội địa Bộ Giao thông vận tải cung cấp cho Cục Quân lực Bộ Tổng tham mưu QĐNDVN
06	Mẫu số 06	Tổng hợp số liệu đăng ký phương tiện thủy nội địa do Sở Giao thông vận tải cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh
07	Mẫu số 07	Tổng hợp số liệu đăng ký tàu biển do Cục Hàng hải Việt Nam Bộ Giao thông vận tải cung cấp cho Cục Quân lực Bộ Tổng tham mưu QĐNDVN
08	Mẫu số 08	Tổng hợp số liệu đăng ký tàu biển do Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng, Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ hàng hải Đà Nẵng cung cấp cho Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh có chủ phương tiện

TT	Ký hiệu	Tên mẫu tổng hợp số liệu
09	Mẫu số 09	Tổng hợp số liệu đăng ký tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam cung cấp cho Cục Quân lực Bộ Tổng tham mưu QĐNDVN
10	Mẫu số 10	Tổng hợp số liệu đăng ký phương tiện bảo đảm hàng không do Cục Hàng không Việt Nam cung cấp cho Cục Quân lực Bộ Tổng tham mưu QĐNDVN
11	Mẫu số 11	Tổng hợp số liệu đăng ký tàu cá do Tổng cục Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp Cục Quân lực Bộ Tổng tham mưu QĐNDVN
12	Mẫu số 12	Tổng hợp số liệu đăng ký tàu cá do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh cung cấp cho Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh

Mẫu số 01

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ XE ÔTÔ, MÁY KÉO DO CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ - ĐƯỜNG SẮT BỘ CÔNG AN CUNG CẤP CHO CỤC QUÂN LỰC BỘ TỔNG THAM MƯU QĐNDVN

BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ - ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 01/PTKT
Tờ số.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...

TỔNG HỢP
Số liệu đăng ký xe ôtô, máy kéo thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội
(tính đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

STT	Loại phương tiện	Số lượng năm trước	Số lượng xóa đăng ký trong năm	Số lượng đăng ký mới	Số lượng năm……	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng					

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ XE ÔTÔ, MÁY KÉO DO PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ (ĐƯỜNG BỘ - ĐƯỜNG SẮT) CẤP TỈNH CUNG CẤP CHO BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP TỈNH

CÔNG AN TỈNH (TP).....
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ (ĐƯỜNG BỘ - ĐƯỜNG SẮT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 02/PTKT
Tờ số.....

……., ngày... tháng... năm 20……

TỔNG HỢP

Số liệu đăng ký xe ôtô, máy kéo thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội

(tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 20.....)

STT	Tên chủ phương tiện	Địa chỉ	Loại phương tiện	Nhãn hiệu	Biển số đăng ký	Trọng tải (Tấn)	Số chỗ ngồi	Tình trạng quản lý phương tiện		
								Xóa đăng ký trong năm	Đăng ký mới	Hiện đang quản lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG ĐƯỜNG BỘ DO TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM CUNG CẤP CHO CỤC QUÂN LỰC BỘ TỔNG THAM MƯU QĐNDVN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 03/PTKT
Tờ số.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm 201..

TỔNG HỢP

Số liệu đăng ký xe máy chuyên dùng đường bộ thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội

(tính đến ngày ..... tháng ..... năm 20.....)

STT	Loại phương tiện	Số lượng năm trước	Số lượng xóa đăng ký trong năm	Số lượng đăng ký mới	Số lượng năm ……	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng					

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG ĐƯỜNG BỘ DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI CẤP TỈNH CUNG CẤP CHO BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP TỈNH

UBND TỈNH (TP).....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 04/PTKT
Tờ số.....

……., ngày... tháng... năm 20….

TỔNG HỢP

Số liệu đăng ký xe máy chuyên dùng đường bộ thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội

(tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 20.....)

STT	Tên chủ phương tiện	Địa chỉ	Loại phương tiện	Nhãn hiệu	Biển số đăng ký	Trọng tải (Tấn)	Số chỗ ngồi	Tình trạng quản lý phương tiện		
								Xóa đăng ký trong năm	Đăng ký mới	Hiện đang quản lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CUNG CẤP CHO CỤC QUÂN LỰC BỘ TỔNG THAM MƯU QĐNDVN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**	*Biểu số 05/PTKT* *Tờ số.....*

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20.....

TỔNG HỢP

Số liệu đăng ký phương tiện thủy nội địa thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội

(tính đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

STT	Loại phương tiện	Số lượng năm trước	Số lượng xóa đăng ký trong năm	Số lượng đăng ký mới	Số lượng năm ……	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng					

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI CẤP TỈNH CUNG CẤP CHO BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP TỈNH

UBND TỈNH (TP).....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 06/PTKT
Tờ số.....

……., ngày... tháng... năm 20…

TỔNG HỢP

Số liệu đăng ký phương tiện thủy nội địa thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội

(tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 20.....)

STT	Tên chủ phương tiện	Địa chỉ	Loại phương tiện	Vật liệu vỏ	Biển số đăng ký	Trọng tải (Tấn)	Số người được phép chở	Công suất (CV)	Tình trạng quản lý phương tiện		
									Xóa đăng ký trong năm	Đăng ký mới	Hiện đang quản lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN DO CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CUNG CẤP CHO CỤC QUÂN LỰC BỘ TỔNG THAM MƯU QĐNDVN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 07/PTKT
Tờ số.....

……, ngày.... tháng.... năm 20….

TỔNG HỢP
Số liệu đăng ký tàu biển thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội
(tính đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

STT	Loại phương tiện	Số lượng năm trước	Số lượng xóa đăng ký trong năm	Số lượng đăng ký mới	Số lượng năm……	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng					

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN DO CHI CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG, CHI CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐÀ NẴNG CUNG CẤP CHO BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ CÁC TỈNH CÓ CHỦ PHƯƠNG TIỆN

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CHI CỤC (CẢNG VỤ)
HÀNG HẢI ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 08/PTKT
Tờ số.....

……, ngày.... tháng.... năm 20….

TỔNG HỢP

Số liệu đăng ký tàu biển theo chủng loại phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội năm.....

(tính đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

STT	Tên chủ phương tiện	Địa chỉ	Loại phương tiện	Vật liệu vỏ	Biển số đăng ký	Trọng tải (Tấn)	Số người được phép chở	Công suất (CV)	Tình trạng quản lý phương tiện		
									Xóa đăng ký trong năm	Đăng ký mới	Hiện đang quản lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TÀU BAY DO CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CUNG CẤP CHO CỤC QUÂN LỰC BỘ TỔNG THAM MƯU QĐNDVN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 09/PTKT
Tờ số.....

……., ngày.... tháng.... năm 20….

TỔNG HỢP
Số liệu đăng ký tàu bay thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội
(tính đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

STT	Loại phương tiện	Số lượng năm trước	Số lượng xóa đăng ký trong năm	Số lượng đăng ký mới	Số lượng năm……	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng					

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN BẢO ĐẢM HÀNG KHÔNG DO CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CUNG CẤP CHO CỤC QUÂN LỰC BỘ TỔNG THAM MƯU QĐNDVN

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 10/PTKT
Tờ số.....

……, ngày.... tháng.... năm 20….

TỔNG HỢP

Số liệu đăng ký phương tiện bảo đảm hàng không thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội

(tính đến ngày..... tháng..... năm 20.....)

STT	Loại phương tiện	Số lượng năm trước	Số lượng xóa đăng ký trong năm	Số lượng đăng ký mới	Số lượng năm ……	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng					

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TÀU CÁ DO TỔNG CỤC THỦY SẢN, BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CUNG CẤP CHO CỤC QUÂN LỰC BỘ TỔNG THAM MƯU QĐNDVN

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 11/PTKT
Tờ số.....

……, ngày.... tháng.... năm 20….

TỔNG HỢP

Số liệu đăng ký tàu cá theo thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội

(tính đến ngày ..... tháng..... năm 20.....)

STT	Loại phương tiện	Số lượng năm trước	Số lượng xóa đăng ký trong năm	Số lượng đăng ký mới	Số lượng năm ……	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng					

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12

MẪU TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐĂNG KÝ TÀU CÁ DO SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CẤP TỈNH CUNG CẤP CHO BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP TỈNH

UBND TỈNH (TP).....
SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 12/PTKT
Tờ số.....

……..., ngày.... tháng.... năm 20….

TỔNG HỢP

Số liệu đăng ký tàu cá thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội

(tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 20.....)

STT	Tên chủ phương tiện	Địa chỉ	Loại phương tiện	Vật liệu vỏ	Biển số đăng ký	Trọng tải (Tấn)	Công suất (CV)	Tình trạng quản lý phương tiện		
								Xóa đăng ký trong năm	Đăng ký mới	Hiện đang quản lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)